

Bản án số: 46/2020/HS-ST  
Ngày 29 tháng 09 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YM, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Diệu Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Cử

Ông Phạm Văn Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YM, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YM, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 09 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 09 năm 2020 đối với bị cáo: Phạm Thị V, sinh năm 1983 tại KS, Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 4, xã LP, huyện KS, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc V1 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Th, chồng Lại Văn T, có 03 con: con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: 04: Bản án số 285/2008/HSST ngày 05/12/2008 của Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng; Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 05/12/2008. Bản án số 78/2011/HSST ngày 21/04/2011 của Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; Chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 02/09/2011. Bản án số 79/2013/HSST ngày 08/04/2013 của Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; Chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 26/01/2015. Bản án số 125/2017/HSST ngày 23/05/2017 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; Chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 02/11/2019; tiền sự: Không; lịch sử bản thân: Ngày 27/11/2009 bị Công an huyện TL, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 200.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, ngày 04/12/2009 chấp hành nộp

tiền phạt; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/08/2020 đến nay “Có mặt”.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn , sinh năm 1998, trú tại: Thôn P, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình “Vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1998, trú tại: Thôn P, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình “Vắng mặt”.

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Duy T2, sinh năm 1999 “Vắng mặt”; anh Tống Văn T3, sinh năm 1979 “Vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/06/2020, Phạm Thị V ngồi sau xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 35K1-416.70 do con trai là Nguyễn Duy T2 điều khiển đi từ xã Mai Sơn, huyện YM để về nhà tại xã LP, huyện KS. Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực chợ Ngọc Lâm thuộc thôn Ngọc Lâm, xã YL, huyện YM, V nói T2 dừng xe, đứng ở ven đường đợi để V đi bộ sang đường mua hoa quả. V đi đến vị trí phía sau chiếc xe ô tô tải BKS 29C-248.05 của anh Tống Văn T3 đang đỗ bán hoa quả ven đường Quốc lộ 12B để mua. Khi đang đứng mua, V quan sát thấy chị Trần Thị T1 đang đứng ở sát bên hông phải của V cũng đang chọn mua hoa quả, trong túi áo chống nắng bên trái của chị T1 để lộ ra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, ốp điện thoại màu đen. V nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại, V dùng tay phải rút chiếc điện thoại ra khỏi túi áo chống nắng của chị T1 rồi bỏ vào túi áo chống nắng bên phải V đang mặc, sau đó V đi ra chỗ T2 đang chờ và nói với T2 không mua hoa quả nữa và bảo T2 chờ V về nhà. Trên đường về, V tháo sim và chiếc ốp điện thoại vứt ở vệ đường, còn chiếc điện thoại V mang về nhà cất giấu, mục đích đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Ngày 06/06/2020, hành vi phạm tội của V bị phát hiện, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YM, V đã khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus đã trộm cắp được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/ĐGTS ngày 22/06/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YM tỉnh Ninh Bình kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus tại thời điểm ngày 05/06/2020 có giá trị 3.250.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 42/CT-VKSYM ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YM đã truy tố Phạm Thị V về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YM giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn

giữ nguyên quan điểm truy tố để xét xử bị cáo Phạm Thị V về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị V từ 24 (Hai mươi bốn) đến 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí: Buộc bị cáo V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo V: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, các con còn nhỏ, chồng đang chấp hành án phạt tù, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện YM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến của hành vi phạm tội, giá trị tài sản đã chiếm đoạt. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 05/06/2020, tại thôn Ngọc Lâm, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình, Phạm Thị V đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Nguyễn Thị T1, lén lút trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus trị giá 3.250.000 đồng là tài sản của anh Nguyễn Văn M chồng chị T1. Bị cáo V là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của Phạm Thị V đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Phạm Thị V có 04 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, đến ngày 05/06/2020 V tiếp tục phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

**“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:**

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm

...”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện YM truy tố bị cáo Phạm Thị V về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm (có xác nhận của Công an huyện YM), người bị hại sau khi nhận lại tài sản có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tiền án: Bị cáo có 04 tiền án.

- Tiền sự: Không có.

- Nhân thân: Năm 2008 đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

[4] Xét tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, nhân thân cũng đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân để lao động chân chính trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục học tập, rèn luyện, cải tạo thành người có ích cho xã hội. Khi lượng hình cũng cần xét đến giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là không lớn, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại tài sản, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thật thà khai báo, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc

phát hiện tội phạm để cân nhắc mức hình phạt và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, đang nuôi 02 con nhỏ, chồng đang chấp hành án vì vậy không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn M đã được nhận lại tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, anh M, chị T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn M là đúng quy định của pháp luật.

01 chiếc ốp điện thoại và 01 sim điện thoại không thu hồi được nên không có cơ sở để xem xét, xử lý.

[7] Trong vụ án, Nguyễn Duy T2 là người điều khiển xe mô tô BKS 35K1-416.70 chở Phạm Thị V đến chợ Ngọc Lâm, xã YL, huyện YM nhưng T2 không biết việc V trộm cắp chiếc điện thoại di động nên hành vi của T2 không vi phạm pháp luật.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 35K1-416.70 là tài sản của bị cáo V nhưng sau khi mua xe V đã giao cho T2 quản lý, sử dụng; mục đích của việc V nhờ T2 đèo lên xã Mai Sơn, huyện YM là thăm người thân, không phải đi trộm cắp tài sản, khi đang đứng mua hoa quả thấy chị T1 sơ hở trong việc quản lý tài sản nên V mới nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, do đó chiếc xe mô tô không phải là công cụ phương tiện phạm tội.

[8] Về án phí: Do bị tuyên có tội nên bị cáo V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị V phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị V 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Thị V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/09/2020; người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND huyện YM (1);
- Công an huyện YM (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Ninh Bình (1);
- Chi cục THA dân sự huyện YM (1);
- UBND xã LP (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại, Người có QLNVLQ (2);
- Lưu Hồ sơ (1);
- Lưu VP (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
PHẠM DIỆU OANH**

(Đã ký)

